TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-02-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vũ Thị Hiệp

2/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quí – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số*:* 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐ-HPT ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm: 1995; hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh A; địa chỉ tạm trú: 27/36/109 đường B, Khu phố E, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm: 1991; Hộ khẩu thường trú: xã T, huyện C, tỉnh V; địa chỉ tạm trú: 10/2 đường A, (phòng trọ C.38- nhà trọ S) Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2021, bản tự khai ngày 13/4/2021, và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P trình b*ày: bà và ông Nguyễn Quốc N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại địa chỉ: 10/2 đường A, Phường J, Quận F (đây là khu nhà trọ cho thuê), vợ chồng bà sinh sống tại đây được khoảng 03 (ba) năm sau đó vợ chồng bà chuyển về thuê nhà ở Quận B sinh sống được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, ông N không

chăm lo cho cuộc sống gia đình mà còn gây ra nợ nần. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều và thường xuyên cãi vã. Từ cuối năm 2019 thì vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai. Ông N chuyển về khu nhà trọ tại địa chỉ: 10/2 đường A, Phường J, Quận F để ở. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: bà và ông Nguyễn Quốc N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Bị đơn ông Nguyễn Quốc N vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt nhưng cũng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: bà Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Quốc N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa bà P và ông N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong thời gian sống chung vợ chồng bà P và ông N xảy ra mâu thuẫn. Từ cuối năm 2019 đến nay thì vợ chồng bà P và ông N đã sống ly thân với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N đã không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà P và ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà P được ly hôn với ông N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: bà P khai không có. Về tài sản chung và nợ chung: bà P khai không có. Về án phí: bà P nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Hồng P có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc N nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc N vắng mặt nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông N đến Tòa án để tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Quốc N vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà Nguyễn Hồng P thì trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, đồng thời ông N không

quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Từ cuối năm 2019 đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Bà P xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Hội đồng xét xử xét thấy, Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…" nhưng giữa vợ chồng bà P và ông N đã không có sự tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân với nhau cuối năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa án để trình bày ý kiến nhưng ông N đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông N cũng không còn tha thiết để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà P. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Quốc N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Nguyễn Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Quốc N là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: bà Nguyễn Hồng P tự khai không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà P khai không có tài sản chung và nợ chung

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Hồng P nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Quốc N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2015, quyển số 01/2015 đăng ký ngày 02/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh A cấp cho bà Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Quốc N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: bà Nguyễn Hồng P tự khai không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác nhận không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Hồng P nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038547 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh A;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn